Tạp chí Khoa học Thương mại

Tạp chí KHOA HỌC THƯƠNG MẠI

ISSN 1859-3666
E-ISSN 2815-5726

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Năm thứ 25 - số 212
4/2026

Tạp chí Khoa học Thương mại

Số 212 (4/2026)

khoa học thương mại

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ:
NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

❑ **Tòa soạn**
Phòng 202 nhà T
Trường Đại học Thương mại
Số 79 đường Hồ Tùng Mậu
Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

❑ **Điện thoại:** 024.37643219 máy lẻ 2102

❑ **Fax:** 024.37643228

❑ **Email:** tckhtm@tmu.edu.vn

❑ **Website:** tckhtm.tmu.edu.vn

❑ **GP hoạt động báo chí:**
Số 195/GP-BTTTT ngày 05/6/2023

❑ **Chế bản tại:** Tòa soạn
Tạp chí Khoa học Thương mại

❑ **In tại:** Cty TNHH In & TM Hải Nam

❑ **Nộp lưu chiểu:** 4/2026

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BIÊN TẬP

Đinh Văn Sơn - Đại học Thương mại (Chủ tịch)
Phạm Vũ Luận - Đại học Thương mại (Phó Chủ tịch)
Nguyễn Bách Khoa - Đại học Thương mại (Phó chủ tịch)
Phạm Minh Đạt - Đại học Thương mại (Ủy viên thư ký)

Các ủy viên

- **Vũ Thành Tự Anh** - ĐH Fulbright Việt Nam (Hoa Kỳ)
- **Lê Xuân Bá** - Viện QLKT TW
- **Hervé B. Boismery** - Đại học Reuinion (Pháp)
- **H. Eric Boutin** - Đại học Toulon Var (Pháp)
- **Nguyễn Thị Doan** - Hội Khuyến học Việt Nam
- **Haasis Hans** - Đại học Bremenr (Đức)
- **Lê Quốc Hội** - Đại học Kinh tế quốc dân
- **Nguyễn Thị Bích Loan** - Đại học Thương mại
- **Nguyễn Hoàng Long** - Đại học Thương mại
- **Nguyễn Mại** - Chuyên gia kinh tế độc lập
- **Dương Thị Bình Minh** - ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh
- **Hee Cheon Moon** - Hội Nghiên cứu TM Hàn Quốc
- **Bùi Xuân Nhàn** - Đại học Thương mại
- **Lương Xuân Quỳ** - Hội Khoa học kinh tế Việt Nam
- **Nguyễn Văn Song** - Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- **Nguyễn Thanh Tâm** - Đại học California (Hoa Kỳ)
- **Trương Bá Thanh** - ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
- **Đinh Văn Thành** - Viện Nghiên cứu thương mại
- **Đỗ Minh Thành** - Đại học Thương mại
- **Lê Đình Thắng** - Đại học Québec (Canada)
- **Trần Đình Thiên** - Viện Kinh tế Việt Nam
- **Nguyễn Quang Thuấn** - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
- **Washio Tomoharu** - ĐH Kwansey Gakuin (Nhật Bản)
- **Lê Như Tuyền** - Grenoble École de Managment (Pháp)
- **Zhang Yujie** - Đại học Tsinghua (Trung Quốc)

ISSN 1859-3666
E-ISSN 2815-5726

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

1. Phạm Đức Hiếu - Kế toán tài sản mã hóa tại Việt Nam: khoảng trống chuẩn mực và hàm ý chính sách. ***Mã số: 212.1Bacc.12*** 3

Accounting For Crypto Assets In Vietnam: Standards Gap And Policy Implications

2. Nguyễn Kim Đức và Nguyễn Đông Phong - Tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026-2030 ở Việt Nam: từ đối sánh quốc tế đến hành động quốc gia. ***Mã số: 212.1Deco.12*** 15

Towards Double-Digit Growth in Vietnam: International Lessons and Strategic Actions (2026-2030)

3. Mai Hương Giang và Lê Thanh Trà - Tác động của Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) đến xuất khẩu thép Việt Nam sang Liên minh Châu Âu. ***Mã số: 212.1IIEM.11*** 31

The Impact of the Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) on Vietnam's Steel Exports to the European Union

4. Lê Trung Đạo, Hồ Thị Lam và Nguyễn Thị Hoa - Phát triển tài chính, đổi mới công nghệ và bền vững môi trường. ***Mã số: 212.1FiBa.11*** 47

Financial Development, Technological Innovation, and Environmental Sustainability

QUẢN TRỊ KINH DOANH

5. Phạm Ngọc Quang và Nguyễn Nam Trung - Chuyển đổi số trong kế toán tại các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam - góc nhìn từ khung TOE. ***Mã số: 212.2Bacc.21*** 59

Accounting digital transformation in Vietnamese retail enterprises - A TOE framework perspective

ISSN 1859-3666
E-ISSN 2815-5726

6. Khúc Đại Long - Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá tại khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn đến sự hài lòng của khách hàng. ***Mã số: 212.2BMkt.21*** 69

The impact of import - Export service quality in the border area of Lang Son province on customer satisfaction

7. Phan Thu Trang - Nghiên tác động của đổi mới xanh đến hiệu quả xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam. ***Mã số: 212.2TrEM.21*** 82

Analyzing the impact of green innovation on the export performance of Vietnamese enterprises

8. Nguyễn Văn Tuấn - Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển tín dụng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia: nghiên cứu tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nôn thôn Việt Nam. ***Mã số: 212.2FiBa.21*** 94

Factors Affecting the Development of Green Credit in the Agricultural Sector to Ensure National Food Security: A Study at the Vietnam Agricultural and Rural Development Bank

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

9. Nguyễn Viết Bằng và Đoàn Ngọc Minh Hương - Mối quan hệ giữa trò chơi hoá, trí tuệ nhân tạo và hiệu quả học tập của sinh viên: Sự tham gia của động lực học tập cá nhân. ***Mã số: 212.3OMIs.31*** 105

The relationship between gamification, artificial intelligence, and students' learning effectiveness: The involvement of individual learning motivation

KẾ TOÁN TÀI SẢN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM: KHOẢNG TRỐNG CHUẨN MỰC VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Phạm Đức Hiếu
Trường Đại học Thương mại
Email: hieu.pd@tmu.edu.vn

Ngày nhận: *18/08/2025* ***Ngày nhận lại:*** *22/12/2025* ***Ngày duyệt đăng:*** *26/12/2025*

Việc Việt Nam bắt đầu thí điểm thị trường tài sản mã hóa đặt ra nhu cầu cấp thiết về khung kế toán cho loại tài sản mới này. Bài viết hệ thống hóa, phân tích và so sánh các cách tiếp cận quốc tế (IFRS, US GAAP, ASBJ), qua đó đề xuất một khung kế toán sơ bộ phù hợp với bối cảnh pháp lý và năng lực kiểm soát của Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là nghiên cứu định tính, dựa trên phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh quy định quốc tế và đối chiếu với khuôn khổ kế toán Việt Nam (VAS). Kết quả nghiên cứu cho thấy: tài sản mã hóa, mặc dù không phải là tài sản tài chính theo nghĩa truyền thống, vẫn đáp ứng định nghĩa "tài sản" trong Khung khái niệm về lập và trình bày BCTC (Conceptual Framework for Financial Reporting, 2018); do đó, Việt Nam có thể kế toán theo hướng xem đây là tài sản vô hình hoặc hàng tồn kho, tùy mục đích nắm giữ. Bài viết đề xuất khung nguyên tắc bốn bước (ghi nhận - đo lường - trình bày - thuyết minh) cho tài sản mã hóa, đồng thời kiến nghị Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực hoặc hướng dẫn tạm thời để thống nhất thực hành và đảm bảo minh bạch thông tin tài chính.

Từ khóa*: Tài sản mã hóa, Blockchain, kế toán, chuẩn mực kế toán, IFRS.*

Keywords: *Crypto assets, Blockchain, accounting, accounting standards, IFRS.*

DOI*: 10.54404/JTS.2026.212V.01*

JEL Classifications*: M41, M42.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 và công nghệ blockchain đã tạo ra một hệ sinh thái tài sản kỹ thuật số mới, trong đó tài sản mã hóa (crypto-assets) giữ vai trò trung tâm. Các loại tài sản như Bitcoin, Ethereum, NFT hay token hóa quyền sở hữu đã và đang trở thành công cụ đầu tư, thanh toán, và huy động vốn phổ biến trên thế giới (KPMG, 2024). Theo báo cáo của (Chainalysis, 2024), Việt Nam năm trong nhóm 10 nước có tỷ lệ người sở hữu tiền mã hóa cao nhất toàn cầu. Trong báo cáo mới đây vào tháng 9/2025, số liệu thống kê của Chainalysis cho thấy, thị trường tiền mã hóa của Việt Nam đã vượt mốc 220 tỷ USD; từ tháng 7/2024 đến tháng 6/2025, thị trường tiền mã hóa Việt Nam đã có mức tăng trưởng mạnh mẽ 55%, theo các chuyên gia tài chính số, đó là những dấu hiệu cho thấy thị trường đã chuyển từ giai đoạn bùng nổ đầu cơ sang phát triển bền vững và trưởng thành hơn (Chainalysis, 2025). Tuy nhiên, trong khi các giao dịch kinh tế - tài chính liên quan đến tài sản mã hóa (TSMH) đã xuất hiện rõ rệt, hệ thống pháp luật và kế toán Việt Nam chưa có cơ chế phù hợp để ghi nhận, đo lường/đánh giá và trình bày loại tài sản mới này.

Theo Luật Kế toán Việt Nam năm 2015 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), tài sản chỉ được ghi nhận khi "đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai và có thể xác định được giá trị một cách đáng tin cậy". Tuy nhiên, TSMH không thể xếp vào nhóm tài sản tài chính (vì không có bên phát hành chịu nghĩa vụ tài chính), không phải hàng tồn kho

(trừ trường hợp doanh nghiệp kinh doanh crypto), và cũng không hoàn toàn đúng với khái niệm tài sản vô hình (vì tính chất biến động và chưa được pháp luật công nhận). Điều này dẫn tới khoảng trống trong chuẩn mực kế toán, gây khó khăn cho việc lập, kiểm toán và công bố thông tin BCTC.

Trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai Đề án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) giai đoạn 2025-2030, đồng thời Chính phủ Việt Nam mới đây đã ban hành Nghị quyết thí điểm thị trường tài sản mã hóa (Nghị quyết 05/2025/NQ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 9/9/2025 và thời gian thí điểm trong vòng 5 năm) việc nghiên cứu vấn đề kế toán tài sản mã hóa có ý nghĩa rất quan trọng. Một mặt, nó giúp Việt Nam chủ động thích ứng với xu thế tài chính số toàn cầu; mặt khác, nó góp phần bổ sung nền tảng pháp lý và kỹ thuật cho việc ghi nhận các loại tài sản phi truyền thống. Hai mục tiêu cơ bản của bài viết này là: (1) Tổng hợp, phân tích và so sánh các cách tiếp cận kế toán quốc tế về TSMH; và (2) Đề xuất khung kế toán khả thi cho Việt Nam theo bốn bước: ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh.

Phần tiếp theo của bài viết có cấu trúc như sau: phần 2 sẽ là khái quát về tài sản mã hóa, phần 3 trình bày tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về kế toán TSMH, phần 4 là nhận diện khoảng trống nghiên cứu, phần 5 trình bày phương pháp nghiên cứu, phần 6 là các thảo luận và đề xuất khung nguyên tắc bốn bước cho TSMH ở Việt Nam, phần 7 là kết luận và các khuyến nghị, hàm ý. Bài viết kết thúc bằng phần 8 với hạn chế và gợi ý các hướng nghiên cứu trong tương lai.

2. Khái quát về tài sản mã hóa

2.1. Định nghĩa tài sản mã hóa

Là một loại tài sản mới hình thành trên cơ sở của Cách mạng công nghiệp 4.0 nên chưa có một định nghĩa thống nhất về TSMH. Theo OECD (2020) và UK Law Commission (2023) tài sản mã hóa (TSMH) có thể hiểu là các giá trị kinh tế được thể hiện, ghi nhận và chuyển giao dưới dạng mã hóa số trên nền tảng công nghệ chuỗi khối (Blockchain) hoặc công nghệ sổ cái phân tán (Digital ledger technology - DTL), trong đó quyền lợi của chủ thể được xác lập thông qua khóa mật mã thay vì chứng thư pháp lý truyền thống. Điểm cốt lõi của TSMH không nằm ở "hình thức số", mà ở cơ chế xác lập, lưu giữ và chuyển giao quyền dựa trên thuật toán và mạng lưới phi tập trung.

Cách hiểu này cho phép phân biệt TSMH với tiền điện tử theo nghĩa hẹp, cũng như với các tài sản số truyền thống (digital assets) vốn chỉ là dữ liệu số hóa của tài sản đã tồn tại (tài sản cơ sở) trong khuôn khổ pháp lý quen thuộc.

2.2. Bản chất pháp lý của tài sản mã hóa

Dưới góc độ pháp lý, cũng theo OECD (2020) và UK Law Commission (2023), TSMH hiện nay chưa có địa vị pháp lý thống nhất giữa các quốc gia. Một số hệ thống pháp luật tiếp cận TSMH như tài sản, một số coi là công cụ tài chính, trong khi nhiều quốc gia vẫn xem đây là đối tượng chưa được thừa nhận đầy đủ. Điểm đặc thù là: quyền sở hữu TSMH không được xác lập thông qua đăng ký pháp lý hay hợp đồng theo nghĩa truyền thống, mà thông qua quyền kiểm soát khóa riêng (private key).

Chính sự tách rời giữa quyền kinh tế và sự thừa nhận pháp lý này tạo ra thách thức lớn cho kế toán. Đó là kế toán cần ghi nhận và đo lường tài sản này dựa trên bản chất kiểm soát và lợi ích kinh tế, trong khi nền tảng pháp lý lại chưa hoàn chỉnh (IASB, 2018). Ở góc độ này, giữa quy định pháp lý và kế toán còn có những độ trễ và xung đột nhất định.

2.3. Bản chất tài chính của tài sản mã hóa

Xét dưới góc độ tài chính và kế toán có tính pháp quy (IASB, 2018), TSMH thỏa mãn các tiêu chí cốt lõi của một tài sản: (i) có khả năng tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai; (ii) được kiểm soát bởi một chủ thể; và (iii) phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra. Tuy nhiên, TSMH thường không tạo dòng tiền cố định, giá trị phụ thuộc mạnh vào kỳ vọng thị trường, công nghệ nền tảng và mức độ chấp nhận của cộng đồng.

Do đó, TSMH mang bản chất lai ghép: vừa có đặc điểm của tài sản tài chính (khả năng giao dịch, biến động giá mạnh), vừa có nét tương đồng với tài sản vô hình (không có hình thái vật chất, giá trị phụ thuộc vào quyền và lợi ích gắn với nền tảng công nghệ) (IASB, 2018; Bonsóns & Badnarova, 2019; Prochazk, 2018).

2.4. Phân loại tài sản mã hóa

Trong nghiên cứu và thực hành, theo OECD (2020) TSMH thường được phân loại thành ba nhóm chính: (i) Token thanh toán

(payment tokens): dùng làm phương tiện trao đổi hoặc lưu trữ giá trị; (ii) Token tiện ích (utility tokens): mang lại quyền sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ; (iii) Token chứng khoán/tài chính (security tokens): đại diện cho quyền lợi tài chính hoặc quyền sở hữu.

Việc phân loại này có ý nghĩa quyết định đối với kế toán, bởi khi xây dựng khuôn khổ kế toán cho TSMH cần phải xuất phát từ bản chất pháp lý - tài chính và đặc điểm chung của loại tài sản này.

Việc làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý - tài chính và phân loại TSMH cho thấy rằng TSMH bao gồm nhiều nhóm bên cạnh những điểm tương đồng cao, mỗi nhóm tài sản lại có đặc điểm kinh tế và mức độ rủi ro riêng. Chính sự đa dạng này đặt ra thách thức căn bản cho kế toán, bởi các chuẩn mực kế toán truyền thống vốn được xây dựng dựa trên những tài sản có hình thái và cơ chế xác lập quyền rõ ràng. Do đó, trước khi bàn đến các vấn đề ghi nhận, đo lường và trình bày TSMH trên báo cáo tài chính, cần tiếp cận kế toán TSMH trên cơ sở bản chất kinh tế hơn là hình thức pháp lý, Trong bài viết này, để tránh sa vào những vấn đề kỹ thuật và ứng xử kế toán cụ thể, tác giả giới hạn tiếp cận kế toán dưới góc độ chung hướng tới xây dựng hay hình thành khung hoặc khuôn khổ kế toán chung cho TSMH, từng vấn đề cụ thể (ngoài phạm vi và mục tiêu của nghiên cứu này) sẽ được xử lý ở các chuẩn mực kế toán riêng sau khi đã hình thành được khung chung về kế toán. Đây cũng là tiền đề để phân tích các cách tiếp cận kế toán khác nhau dựa trên tham chiếu Khung khái niệm của IASB (2018) và các nguyên tắc kế toán chung của một số quốc gia (US GAPP, ASBJ) đối với tài sản mã hóa trong phần tiếp theo của bài viết.

3. Tổng quan nghiên cứu trong nước và nước ngoài về kế toán tài sản mã hóa

3.1. Các nghiên cứu quốc tế về kế toán tài sản mã hóa

Trên thế giới, nhiều nhà nghiên cứu và tổ chức nghề nghiệp đã thảo luận sâu về bản chất và phương pháp kế toán TSMH (Bednárová et al., 2025; Prochazka, 2018; Özcan, 2025), đặc biệt từ khi Ủy ban diễn giải Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS Interpretations Committee (IFRS Foundation, 2019) ban hành "Agenda Decision - Holdings of Cryptocurrencies". Ủy ban này kết luận rằng, TSMH không phải là tiền tệ, cũng không phải công cụ tài chính, mà là tài sản vô hình theo IAS 38, trừ khi doanh nghiệp nắm giữ để bán trong hoạt động kinh doanh thông thường - khi đó, áp dụng IAS 2 - Hàng tồn kho (Inventories).

Các hãng kiểm toán lớn (Deloitte, 2025; EY, 2021; KPMG, 2024; PwC, 2021) đều cho rằng hướng dẫn của Ủy ban diễn giải Chuẩn mực BCTC quốc tế vẫn còn "tạm thời", vì không phản ánh đúng giá trị hợp lý của TSMH trên thị trường có biến động cao.

Ở Mỹ, Hội đồng chuẩn mực kế toán tài chính đã ban hành ASU 2023-08 - Accounting for and Disclosure of Crypto Assets (FASB, 2023), yêu cầu các DN ghi nhận TSMH theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (fair value through profit or loss), đồng thời công bố thông tin chi tiết về loại tài sản, phương pháp định giá và rủi ro liên quan. Đây là bước tiến quan trọng, giúp thông tin tài chính phản ánh trung thực giá trị kinh tế của TSMH (crypto-assets), nhưng cũng đặt ra thách thức về tính tin cậy của dữ liệu định giá.

Nghiên cứu của (Tan & Zhang, 2021) tại Singapore cho thấy, các quốc gia tuân thủ IFRS thường phân loại TSMH là tài sản vô hình, nhưng yêu cầu trình bày riêng trên BCTC để tăng tính minh bạch. Hội đồng chuẩn mực kế toán Nhật Bản (Accounting Standards Board of Japan (ASBJ), 2019) (Kimura, 2023; Yanagida, 2023) đã ban hành hướng dẫn ghi nhận "crypto-assets" như tài sản lưu động nếu nắm giữ ngắn hạn, hoặc tài sản vô hình nếu nắm giữ dài hạn.

Trong khi đó, (Phu Dao-Le Flécher et al., 2023) và (Özcan, 2025) nhấn mạnh đến sự thiếu thống nhất toàn cầu trong định nghĩa và xử lý kế toán, do mỗi quốc gia có quy định pháp lý khác nhau về tính hợp pháp của TSMH.

Nhiều nghiên cứu gần đây xem xét mối quan hệ giữa kế toán, kiểm toán và công nghệ blockchain, cho rằng blockchain có thể hỗ trợ xác minh quyền sở hữu và giao dịch trong chuỗi (on-chain verification), giúp kiểm toán viên (nội bộ và độc lập) giảm rủi ro gian lận và sai sót (Schmitz & Leoni, 2019). Tuy nhiên, việc áp dụng đòi hỏi tiêu chuẩn hóa về kỹ thuật và quy trình xác nhận, điều hiện nay chưa được IFRS hoặc IFAC hướng dẫn cụ thể.

Như vậy có thể thấy, hướng nghiên cứu quốc tế đã đi qua ba giai đoạn: (1) xác định

bản chất tài sản (2016-2019); (2) tìm kiếm cơ sở đo lường thích hợp (2020-2023); và (3) phát triển hướng dẫn trình bày và công bố thông tin (từ 2023 đến nay).

Một số tổ chức nghề nghiệp kế toán quốc tế lớn đã có những nỗ lực ban đầu trong việc nhận diện, phân loại và đo lường TSMH, tuy nhiên chưa đạt đến mức thống nhất toàn cầu. Tính chất phi vật chất, biến động cao và sự thiếu khung pháp lý rõ ràng khiến tài sản mã hóa vừa khó được xem là "tiền", vừa không hoàn toàn là "công cụ tài chính" (EY, 2021; KPMG, 2024; PwC, 2021).

Bảng 1: *So sánh khung kế toán và pháp lý đối với TSMH giữa các quốc gia/chế độ chuẩn mực*

Tiêu chí	IFRS/IFRIC (2019)	US GAAP (ASU 2023-08)	Nhật Bản (FSA/ASBJ)	Singapore (MAS/ISCA)
Căn cứ hoặc định hướng	*IFRIC Agenda Decision (June 2019)* - holdings of cryptocurrencies. Đề xuất dùng chuẩn mực hiện hành: IAS 38 (intangible) hoặc IAS 2 (inventory).	*Accounting Standards Update (ASU) 2023-08* - bổ sung ASC 350-60, đo lường fair value bắt buộc, phản ánh biến động giá thị trường.	*Payment Services Act* (sửa đổi 2023) - công nhận "virtual currency" và hướng dẫn FSA/ASBJ đang xem xét xếp crypto vào nhóm sản phẩm tài chính (financial products).	*MAS Guidance (2023)* và *Accounting for Crypto Assets (2020)* - tập trung quản trị rủi ro, AML/KYC và công bố cho tổ chức nắm giữ crypto.
Phân loại kế toán	Tài sản vô hình (IAS 38) nếu nắm giữ để đầu tư dài hạn; hàng tồn kho (IAS 2) nếu để bán.	Không coi là tiền mặt hay công cụ tài chính; crypto ghi nhận như tài sản vô hình đo lường theo giá trị hợp lý qua lãi/lỗ.	Chưa có chuẩn mực riêng; các doanh nghiệp áp IFRS nội địa với hướng dẫn FSA.	Không có chuẩn mực kế toán riêng; DN tự áp dụng IFRS hoặc US GAAP; cơ quan quản lý nhấn mạnh công bố rủi ro và kiểm soát nội bộ.
Đo lường sau ghi nhận	*Cost model* hoặc *revaluation model* (IAS 38), trừ khi xác định giá trị hợp lý (fair value) đáng tin cậy; IAS 2 dùng giá gốc hoặc giá thuần có thể thực hiện được (cost hoặc NRV).	Giá trị hợp lý sau mỗi kỳ (Fair value remeasurement), thay đổi giá trị hợp lý ghi nhận qua lãi/lỗ.	Đang thảo luận hướng dùng giá trị hợp lý (fair value) cho các sàn giao dịch được cấp phép.	Theo IFRS/US GAAP của từng doanh nghiệp; khuyến nghị dùng giá trị hợp lý (fair value) nếu có thị trường hoạt động.
Trình bày và thuyết minh	Thuyết minh về phương pháp phân loại, cơ sở đo lường và rủi ro giá.	Công bố chi tiết về loại crypto, thị trường định giá, rủi ro thanh khoản.	Yêu cầu bổ sung khi crypto được coi là "financial products".	Công bố về chính sách lưu ký, nguồn dữ liệu định giá, và tuân thủ AML/KYC.
Kiểm toán và bằng chứng	IFRIC không hướng dẫn cụ thể; khuyến nghị xác minh *on-chain evidence* và hợp đồng lưu ký (custody).	Không quy định cụ thể; fair value yêu cầu kiểm toán viên xác nhận giá thị trường và lưu ký (custody).	FSA chú trọng quy định lưu ký (custody) và kiểm soát rủi ro.	MAS yêu cầu quản trị lưu ký, kiểm toán nội bộ và giám sát rủi ro định kỳ.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Qua tổng quan, có thể nhận diện bốn cách tiếp cận chính về kế toán TSMH (crypto assets accounting): (1) theo hướng tài sản vô hình - đại diện cho IFRS; (2) theo hướng giá trị hợp lý và đánh giá lại (fair value - remeasurement model) - tiêu biểu cho US GAAP; (3) hướng pháp lý - tài chính hóa như Nhật Bản (ASBJ); và (4) hướng thận trọng - quản trị rủi ro như Singapore (ISCA, MAS). Việt Nam đang ở giai đoạn đầu tiên của chu trình này, khi mới thảo luận ở cấp độ pháp lý, chưa có chuẩn mực kế toán riêng.

Dưới đây là bảng tổng hợp so sánh giữa các hệ thống kế toán và pháp lý lớn về TSMH hiện nay (Bảng 1).

Qua so sánh, có thể thấy sự khác biệt căn bản giữa các khuôn khổ nằm ở triết lý kế toán: IFRS giữ nguyên tắc thận trọng và phù hợp với bản chất phi tiền tệ, trong khi US GAAP đã tiến một bước xa hơn khi chấp nhận fair value measurement – hướng phản ánh hợp lý giá trị kinh tế thực tế của crypto assets.

Đối với Việt Nam, việc lựa chọn giữa hai mô hình này không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà còn là vấn đề chính sách: cân bằng giữa khả năng kiểm soát (state control) và tính minh bạch thị trường (market transparency).

3.2. Các nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, số lượng nghiên cứu về kế toán TSMH còn rất hạn chế. Phần lớn các bài viết tập trung vào khía cạnh pháp lý và quản lý nhà nước. Ví dụ, (Hoàng Văn Thành et al., 2025; Lê Thị Kim Nhung & Nguyễn Lệ Đức, 2024; Nguyễn Thị Cát Tường, 2023) đều cho rằng, ở Việt Nam tiền mã hóa chưa được xem là phương tiện thanh toán hợp pháp theo pháp luật, do đó chưa đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quản lý TSMH ở một số quốc gia, các tác giả đã đề xuất Việt Nam sớm hoàn thiện khung pháp lý để TSMH sớm có giá trị pháp lý (Lê Thị Kim Nhung & Nguyễn Lê Đức, 2024; Nguyễn Thanh Hà et al., 2025). Trong khi đó, (Nguyễn Thị Việt Lê, 2023) nhấn mạnh rằng, mặc dù pháp luật chưa công nhận, song về bản chất kinh tế, crypto-assets có thể đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai, do đó có thể xem xét ghi nhận như một loại tài sản vô hình.

Bên cạnh đó, một số ít nghiên cứu trong nước có liên quan trực tiếp đến chủ đề này, như kế toán tiền mã hóa (Nguyễn Thị Việt Lê, 2023; Phạm Thanh Hương, 2024), cho rằng khuôn khổ VAS hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn TSMH. Việc chuyển đổi sang IFRS được kỳ vọng sẽ giải quyết phần nào vấn đề này, song IFRS cũng chưa có chuẩn mực riêng cho crypto-assets, nên việc Việt Nam nội địa hóa IFRS sẽ cần bổ sung hướng dẫn chi tiết có tính đến đặc thù của nền kinh tế.

3.3. Tổng hợp và so sánh

Có thể thấy, trong khi quốc tế đã có một số hướng dẫn và giải pháp thực hành (IFRS Interpretations Committee, 2019 ; FASB, 2023 ; US GAAP ASU 2023-08) đối với tài sản mã hóa, thì Việt Nam mới chỉ dừng ở mức thảo luận lý luận, Các điểm khác biệt chủ yếu gồm:

- Quốc tế: (1) xem tài sản mã hóa là tài sản hợp pháp, được kế toán theo chuẩn IFRS/US GAAP; (2) đo lường tài sản theo giá trị hợp lý (fair value); và (3) yêu cầu công bố chi tiết thông tin rủi ro trong thuyết minh BCTC.
- Việt Nam: (1) chưa công nhận về mặt pháp lý, nên chưa có cơ sở kế toán; (2) kế toán tài sản của Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên giá gốc; và (3) Việt Nam cũng chưa có quy định về thuyết minh đối với TSMH.

Những khác biệt này tạo nên khoảng trống chuẩn mực và cũng là động lực nghiên cứu cho bài viết - nhằm đề xuất khung kế toán phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời vẫn đảm bảo tính hội nhập quốc tế.

4. Khoảng trống nghiên cứu

Tổng quan trên cho thấy hiện nay chưa có một chuẩn mực kế toán riêng cho TSMH trong hệ thống kế toán Việt Nam. Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn tiến tới thừa nhận về mặt pháp lý hơn là thiết lập chế độ kế toán. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hiện hành - đặc biệt là VAS 04 (Tài sản cố định vô hình) và VAS 02 (Hàng tồn kho) - vẫn dựa theo IAS giai đoạn cũ và chưa bao hàm nội dung nhận diện, đo lường, ghi nhận và trình bày TSMH.

Ngoài ra, các nghiên cứu quốc tế mới chỉ tập trung vào DN niêm yết hoặc tổ chức tài chính, trong khi đa phần TSMH tại Việt Nam do cá nhân hoặc tổ chức phi tài chính nắm giữ, khó thu thập dữ liệu, thiếu cơ chế kiểm toán và chưa có tiêu chuẩn định giá thống nhất (Deloitte, 2025; EY, 2021; KPMG, 2024; PwC, 2021).

Khoảng trống chính có thể tóm tắt ở ba điểm sau:

(1) Khoảng trống pháp lý và định nghĩa: Mặc dù đã có định nghĩa về TSMH theo khoản 2 Điều 47 Luật Công nghiệp công nghệ số 2025 (có hiệu lực từ 01/01/2026). Việt Nam chưa xác định rõ "tài sản mã hóa" thuộc loại tài sản nào trong hệ thống pháp luật dân sự và tài chính kế toán.

(2) Khoảng trống phương pháp đo lường: chưa có hướng dẫn đo lường đáng tin cậy cho giá trị crypto hoặc token, trong khi thị trường crypto luôn biến động và thiếu chỉ số giá tham chiếu.

(3) Khoảng trống về hướng dẫn kế toán - kiểm toán thực hành: chưa có khung hướng dẫn cụ thể cho việc ghi nhận, đo lường, trình bày, và thuyết minh; chưa có quy trình xác minh on-chain phục vụ kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập.

Các khoảng trống này tạo điều kiện để nghiên cứu đề xuất một khung kế toán khả thi cho Việt Nam - dựa trên đối chiếu kinh nghiệm quốc tế, có điều chỉnh cần thiết để phù hợp với đặc thù pháp lý cũng như trình độ của thị trường tài chính trong nước.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này mang tính hàm ý chính sách (policy-oriented conceptual study), dựa vào phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở so sánh chuẩn mực (comparative accounting analysis). Mục tiêu là xây dựng khung kế toán đề xuất gồm bốn trụ cột: ghi nhận - đo lường - trình bày - thuyết minh, phù hợp cho cơ quan hoạch định chính sách kế toán và kiểm toán.

Thiết kế nghiên cứu gồm ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thu thập và tổng hợp tài liệu chuẩn mực quốc tế (IFRS, US GAAP, hướng dẫn Nhật Bản, Singapore và một số nghiên cứu học thuật khác) cùng báo cáo của các hãng kiểm toán Big4 (PwC, KPMG, EY, Deloitte).

- Giai đoạn 2: Phân tích nội dung (content analysis) nhằm nhận diện các nội dung tương đồng và khác biệt giữa các khuôn khổ, chuẩn mực; xác định tiêu chí cốt lõi có thể nội địa hóa cho Việt Nam.

- Giai đoạn 3: Xây dựng khung đề xuất (conceptual framework) gồm 4 bước kế toán: ghi nhận - đo lường - trình bày - thuyết minh một cách logic và hàm ý thực hành.

5.2. Dữ liệu và nguồn trích dẫn

Nguồn dữ liệu gồm:

- Văn bản, chuẩn mực: IFRS Interpretations Committee (2019), IAS 38, IAS 2, IFRS 13; FASB ASU 2023-08; Hướng dẫn MAS (2023); Japan Payment Service Act 2023; Japan Update: Fintech Laws and Regulations 2024; VAS 04, VAS 02.

- Báo cáo chuyên ngành của các hãng kiểm toán lớn (Big4) về kế toán, kiểm toán TSMH: EY (2021), Deloitte (2025), PwC (2021), KPMG (2024).

- Các tài liệu khoa học: nghiên cứu về kế toán TSMH, blockchain audit và định giá (Bednárová et al., 2025; Bonsón & Bednarova, 2019; Prochazka, 2018; Garanina et al., 2021; Yanagida, 2023) cùng một số ít nghiên cứu trong nước (Nguyễn Thị Việt Lê, 2023; Phạm Thanh Hương, 2024).

5.3. Phương pháp phân tích

Bài viết áp dụng phương pháp phân tích so sánh (comparative analysis) và phân tích diễn giải (interpretive synthesis). So sánh nhằm chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt giữa các hệ thống kế toán; diễn giải nhằm rút ra các nguyên tắc cốt lõi có thể áp dụng trong bối cảnh Việt Nam.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng vận dụng phương pháp đối chiếu logic chuẩn mực: đối chiếu IAS 38 với FASB ASU 350-60 và với VAS 04, VAS 02 để xác định tính tương đồng hoặc khác biệt.

5.4. Độ tin cậy và giới hạn

Do TSMH chưa được thừa nhận đầy đủ về mặt pháp lý tại Việt Nam, các đề xuất chỉ mang tính khung định hướng chính sách (policy framework) và hàm ý.

6. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

6.1. Đề xuất khung kế toán tài sản mã hóa cho Việt Nam

Kết quả tổng hợp lý luận và kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc xây dựng chuẩn mực kế toán cho TSMH nên dựa trên bốn bước cốt lõi trong quy trình kế toán: (1) ghi nhận; (2) đo lường; (3) trình bày; và (4) thuyết minh. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo tính hệ thống của khung kế toán, vừa tạo thuận lợi cho các cơ quan chuyên môn trong việc chuyển hóa thành chuẩn mực cụ thể trong tương lai.

6.1.1. Ghi nhận (Recognition)

Tiêu chí ghi nhận:

TSMH được ghi nhận khi (a) DN kiểm soát được TSMH, (b) có khả năng thu được

lợi ích kinh tế trong tương lai và (c) giá trị của TSMH có thể được đo lường một cách đáng tin cậy (IASB, 2018). Điều này tương đồng với định nghĩa tài sản trong Khung khái niệm (*Conceptual Framework for Financial Reporting, 2018)* của IFRS Foundation.

Phân loại kế toán đề xuất:

- Nếu TSMH được nắm giữ với mục đích đầu tư hoặc giao dịch ngắn hạn, nên được phân loại là tài sản vô hình theo *IAS 38 - Intangible Assets*, trừ khi nó được giữ để bán trong quá trình kinh doanh thông thường.
- Nếu DN là sàn giao dịch hoặc môi giới, TSMH nên được phân loại là hàng tồn kho theo *IAS 2 - Inventories* do được nắm giữ nhằm bán ra hoặc cung cấp dịch vụ thanh toán.
- Nếu DN phát hành token nhằm huy động vốn hoặc phục vụ hệ sinh thái nội bộ (utility token), cần ghi nhận nghĩa vụ nợ phải trả tương ứng cho đến khi nghĩa vụ được thực hiện theo *IFRS 15 - Revenue from Contracts with Customers*.

Vì Việt Nam chưa có khung pháp lý cho loại tài sản này, nên trước mắt có thể áp dụng hướng dẫn tương tự IAS 38 cho DN nắm giữ token hoặc crypto, đồng thời yêu cầu ghi nhận tách biệt giữa TSMH do DN sở hữu và TSMH do DN nắm giữ thay người khác (theo đề xuất của PwC, 2021). Khi đó các bút toán kế toán cụ thể với một số giao dịch điển hình như sau (Bảng 2).

6.1.2. Đo lường (Measurement)

Logic với đề xuất ghi nhận ở trên, việc đo lường TSMH cần linh hoạt giữa hai phương pháp: giá gốc (đảm bảo thận trọng) và giá trị hợp lý (phản ánh trung thực giá trị thị trường). Trong bối cảnh Việt Nam, do thị trường chưa minh bạch, nên ưu tiên mô hình giá gốc kết hợp ghi nhận suy giảm giá trị. Về dài hạn, khi hệ thống sàn giao dịch được cấp phép và có dữ

Bảng 2: *Đề xuất bút toán kế toán ghi nhận TSMH*

Bước kế toán	Tình huống minh họa	Ghi nhận kế toán	Diễn giải	Cơ sở tham chiếu
1. Ghi nhận ban đầu	DN mua 10 BTC để đầu tư dài hạn	Nợ TK "TSMH" (Crypto Assets)/Có TK "Tiền"	Ghi nhận giá gốc theo giá mua trên sàn (bao gồm phí giao dịch)	IAS 38.27; PwC (2021)
2. Đo lường sau ghi nhận ban đầu	Cuối kỳ, giá BTC giảm mạnh so với giá gốc	Nợ TK "Chi phí suy giảm giá trị TSMH" Có TK "Dự phòng giảm giá TSMH"	Ghi nhận suy giảm giá trị khi giá trị hợp lý < giá trị ghi sổ	IAS 36
3. Đánh giá lại ghi giá tăng	Kỳ sau, giá BTC tăng trở lại (chỉ áp dụng với mô hình đánh giá lại)	Nợ TK "TSMH" Có TK "Thu nhập đánh giá lại TSMH"	Ghi nhận phần chênh lệch tăng vào thu nhập khác hoặc thu nhập toàn diện khác OCI (tùy mô hình)	IAS 38.75
4. Thanh lý	DN bán toàn bộ BTC trên sàn	Nợ TK "Tiền" Có TK "TSMH" Có/Nợ TK "Lãi/lỗ từ thanh lý TSMH"	Ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch giữa giá bán và giá trị sổ sách	IFRS 9; IAS 38
5. Trình bày và thuyết minh	Lập BCTC cuối kỳ		Trình bày TSMH là tiểu mục riêng trong BCĐKT; thuyết minh rủi ro và chính sách kế toán áp dụng	IFRS Foundation (2019); EY (2021); Deloitte (2025)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất)

liệu định giá đáng tin cậy, có thể chuyển sang mô hình đánh giá lại, theo giá trị hợp lý có kiểm soát. Vì vậy, tác giả đề xuất cách thức đo lường trong Bảng 3 dưới đây.

(1) Chính sách kế toán áp dụng, bao gồm cách ghi nhận, đo lường và tiêu chí đánh giá suy giảm giá trị.

Bảng 3: *Đề xuất phương pháp đo lường TSMH cho Việt Nam*

Phương diện	IFRS	US GAAP	Đề xuất cho Việt Nam
1. Ghi nhận ban đầu	Theo giá mua hoặc giá trao đổi tại thời điểm sở hữu (IAS 38.27)	Theo giá gốc hoặc giá trao đổi tại thời điểm sở hữu	Theo giá gốc hoặc giá trao đổi tại thời điểm sở hữu
2. Đánh giá lại (Fair value)	Cho phép đánh giá lại (theo giá trị hợp lý) nếu có thị trường hoạt động (IAS 38.75)	Không cho phép đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu	Áp dụng mô hình đánh giá lại (theo giá trị hợp lý có điều kiện) nếu thị trường minh bạch
3. Suy giảm giá trị (Impairment)	Kiểm tra khi có dấu hiệu suy giảm giá trị, ghi giảm về giá trị có thể thu hồi	Bắt buộc ghi giảm nếu giá trị hợp lý thấp hơn giá trị sổ sách	Theo dõi biến động giá hàng ngày, ghi giảm kịp thời
4. Trình bày chênh lệch giá trị	Ghi vào thu nhập toàn diện khác (OCI) với mô hình đánh giá lại	Không áp dụng	Ghi nhận vào thu nhập khác hoặc lỗ khác tùy bản chất

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất)

6.1.3. Trình bày (Presentation)

Các DN nên trình bày TSMH trên BCTC như một mục riêng, tách biệt khỏi tài sản vô hình truyền thống. Cụ thể:

- "Tài sản mã hóa (Crypto Assets)" nên là tiểu mục dưới "Tài sản dài hạn khác" hoặc "Tài sản ngắn hạn khác", tùy theo mục đích nắm giữ.
- Khi TSMH được sử dụng để thanh toán hoặc đầu tư ngắn hạn, cần công bố lưu chuyển dòng tiền liên quan, giúp người đọc hiểu rõ ảnh hưởng đến thanh khoản.
- Trên BCKQHĐKD, mọi chênh lệch đánh giá lại, suy giảm giá trị, hoặc lợi nhuận từ thanh lý tài sản mã hóa cần được trình bày riêng biệt, tương tự các khoản "giao dịch tài sản tài chính".
- Trên BCLCTT, các giao dịch mua bán TSMH nên được phân loại là hoạt động đầu tư.

6.1.4. Thuyết minh (Disclosure)

Do đặc thù phi tập trung và rủi ro cao, việc thuyết minh là bước then chốt trong kế toán TSMH. Các nội dung cần công bố gồm:

(2) Mục đích nắm giữ: đầu tư, thanh toán, cung cấp dịch vụ hay bảo lãnh hợp đồng.

(3) Giá trị hợp lý và cơ sở định giá, nêu rõ nguồn dữ liệu giá (ví dụ: CoinMarketCap, Binance, Coinbase).

(4) Rủi ro trọng yếu: rủi ro biến động giá, rủi ro pháp lý, rủi ro công nghệ (mất khóa cá nhân, bị tấn công mạng).

(5) Kiểm toán và xác minh on-chain: yêu cầu kiểm toán viên thực hiện xác nhận địa chỉ ví, bằng chứng giao dịch trên blockchain và tính toàn vẹn dữ liệu.

Theo Deloitte (2025), EY (2021) và PwC (2021), phần lớn sai sót trong báo cáo TSMH đến từ thiếu thuyết minh về quyền kiểm soát và cơ sở đo lường giá trị hợp lý, dẫn đến rủi ro hiểu sai đối với nhà đầu tư.

Dưới đây là đề xuất khung thuyết minh đối với TSMH (Bảng 4) và đề xuất danh mục xác minh on-chain liên quan tới các giao dịch về TSMH phục vụ kiểm tra kế toán, kiểm toán nhằm tăng độ minh bạch của thông tin đối với giao dịch loại tài sản này (Bảng 5).

Bảng 4: *Đề xuất khung thuyết minh TSMH*

Nội dung cần thuyết minh	Thông tin tối thiểu cần công bố
1. Chính sách kế toán áp dụng	Phân loại tài sản mã hóa (crypto, utility token, security token); cơ sở đo lường (giá gốc hay giá trị hợp lý); tiêu chí ghi nhận tổn thất khi suy giảm giá trị.
2. Mục đích nắm giữ	Đầu tư, thanh toán, cung cấp dịch vụ hoặc sử dụng nội bộ.
3. Cơ sở định giá	Nguồn dữ liệu giá (sàn giao dịch, chỉ số trung bình, thời điểm lấy mẫu).
4. Biến động giá trị trong kỳ	Giá đầu kỳ, giá cuối kỳ, giá trị tổn thất hoặc đánh giá lại trong kỳ, lãi/lỗ thanh lý.
5. Rủi ro và biện pháp phòng ngừa	Rủi ro pháp lý, công nghệ, biến động giá; biện pháp lưu ký/lưu giữ, kiểm toán nội bộ, xác minh on-chain.
6. Các nghĩa vụ phát sinh liên quan	Token phát hành kèm nghĩa vụ cung cấp dịch vụ; cam kết thanh toán hoặc hoàn trả.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất)

Bảng 5: *Đề xuất danh mục kiểm tra xác minh on-chain đối với TSMH*

STT	Nội dung xác minh	Mục tiêu	Thủ tục kiểm tra cụ thể	Bằng chứng cần thu thập
1	Xác minh quyền kiểm soát ví (Wallet ownership)	Đảm bảo DN có quyền kiểm soát đối với ví chứa TSMH	- Yêu cầu DN thực hiện giao dịch nhỏ từ ví cần xác nhận đến ví kiểm toán viên (test transaction) - Đối chiếu địa chỉ ví với dữ liệu blockchain công khai (Etherscan, Blockchain.com)	Ảnh chụp màn hình giao dịch có mã hash; xác nhận giao dịch trên blockchain; biên bản xác thực
2	Kiểm tra khóa cá nhân và phân quyền lưu trữ (Private key custody)	Đánh giá tính an toàn và quyền truy cập vào ví lưu trữ	- Phỏng vấn bộ phận IT và kế toán - Xem xét chính sách quản lý khóa cá nhân, phân quyền lưu trữ, multi-signature nếu có	Quy trình quản lý khóa; hồ sơ phân quyền truy cập; báo cáo kiểm toán CNTT (IT audit)
3	Xác minh số dư tài sản mã hóa (Balance verification)	Đảm bảo số dư được trình bày trung thực và khớp với sổ kế toán	- Đối chiếu số dư token trên blockchain với sổ kế toán tại ngày khóa sổ - Kiểm tra qua API hoặc công cụ truy xuất blockchain	Bản sao dữ liệu on-chain; bảng đối chiếu sổ kế toán - blockchain
4	Xác minh giao dịch (Transaction validation)	Xác nhận tính hiện hữu và hợp pháp của các giao dịch tài sản mã hóa	- Lấy mẫu giao dịch từ sổ kế toán - Tra cứu mã hash trên blockchain để xác minh ngày, số lượng, địa chỉ gửi - nhận	Danh sách mã hash; nhật ký kiểm toán
5	Định giá và đo lường giá trị hợp lý (Fair Value Measurement)	Đảm bảo việc định giá tuân thủ IFRS hoặc chuẩn mực tương đương	- Thu thập giá tham chiếu tại ngày báo cáo từ các sàn lớn (Binance, Coinbase, CoinMarketCap) - So sánh và lấy giá trung bình trọng số	Bằng chứng giá thị trường; công thức tính trung bình; ghi chú nguồn dữ liệu
6	Kiểm tra tính liên tục của quyền kiểm soát (Continuity of Ownership)	Phát hiện việc bán, chuyển giao, hoặc mất mát tài sản mã hóa	- Phân tích lịch sử giao dịch của ví - Kiểm tra giao dịch đáng ngờ, chuyển khoản đến ví không xác định	Báo cáo phân tích lịch sử giao dịch; nhật ký cảnh báo bất thường
7	Đánh giá rủi ro gian lận và tuân thủ pháp lý (Fraud and Legal Compliance)	Phát hiện gian lận hoặc vi phạm quy định quản lý tiền ảo	- Đánh giá mối quan hệ giữa ví của DN và các địa chỉ nằm trong danh sách cảnh báo (sanctioned list)	Báo cáo rủi ro tuân thủ; dữ liệu phân tích AML/KYC
8	Đánh giá hệ thống lưu trữ và sao lưu dữ liệu blockchain (Backup & Security)	Đảm bảo an toàn dữ liệu và khả năng khôi phục	- Kiểm tra quy trình sao lưu, phục hồi, và bảo vệ khóa cá nhân. - Đánh giá cơ chế bảo mật (hardware wallet, cold storage).	Báo cáo IT security audit; bằng chứng kiểm thử khôi phục dữ liệu.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất)

7. Kết luận và khuyến nghị, hàm ý chính sách

7.1. Kết luận

Bài viết đã chỉ ra rằng TSMH, dù chưa được thừa nhận đầy đủ trong hệ thống pháp lý Việt Nam, nhưng có ảnh hưởng ngày càng lớn đến hoạt động tài chính - kế toán. Việc chưa có chuẩn mực kế toán tương ứng đang tạo ra khoảng trống đáng kể, khiến các DN thiếu căn cứ ghi nhận, còn kiểm toán viên (cả nội bộ và độc lập) gặp khó khăn trong xác minh và đánh giá rủi ro. Kinh nghiệm quốc tế (IFRS, US GAAP và các hướng dẫn của Nhật Bản, Singapore…) cho thấy việc kế toán tài sản mã hóa có thể dựa vào các chuẩn mực hiện hành, nhưng cần diễn giải cụ thể hơn cho phù hợp bối cảnh địa phương. Vì vậy, phần dưới đây, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đề xuất các khuyến nghị, hàm ý đối với các bên, gồm tổ chức và người hành nghề kế toán, kiểm toán như sau.

7.2. Khuyến nghị, hàm ý chính sách

(a) Đối với cơ quan ban hành chuẩn mực, Hiệp hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán:

- Bộ Tài chính kết hợp với Hiệp hôi nghề nghiệp như VACPA, VAA nên nghiên cứu và xem xét ban hành hướng dẫn tạm thời về kế toán TSMH, dựa trên vận dụng IAS 38 và IAS 2 tương ứng với VAS 04 và VAS 02 hiện hành.

- Bộ Tài chính nên sớm thành lập nhóm nghiên cứu chuyên đề về "Digital/Crypto Assets Accounting Framework" để xây dựng dự thảo chuẩn mực VAS/VFRS mới.

(b) Đối với doanh nghiệp:

- Dựa trên hướng dẫn của Bộ Tài chính hoặc Hiệp hội nghề nghiệp, cần xây dựng hoặc lựa chọn chính sách kế toán nội bộ cho TSMH, bao gồm kiểm soát truy cập ví, xác thực giao dịch và phân quyền lưu ký.

- Ứng dụng công nghệ "on-chain verification" để tăng tính minh bạch và hỗ trợ công tác kiểm tra, kiểm toán.

(c) Đối với kiểm toán viên:

- Phát triển danh sách xác minh (checklist) TSMH, gồm xác nhận quyền kiểm soát, xác minh giao dịch blockchain và đánh giá rủi ro gian lận.

- Kết hợp kiểm toán công nghệ thông tin (IT audit) trong kiểm toán tài chính để đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu.

(d) Đối với cơ quan hoạch định chính sách:

- Cần ban hành định nghĩa pháp lý về TSMH, phân loại rõ: cryptocurrency, utility token, security token, stablecoin và các token khác.

- Thiết lập hành lang pháp lý cho sàn giao dịch trong nước, tạo cơ sở cho định giá hợp lý, từ đó hỗ trợ triển khai kế toán theo giá trị hợp lý đối với TSMH.

8. Hạn chế và gợi ý hướng nghiên cứu trong tương lai

Bài viết này vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, việc phân tích và đề xuất khung kế toán cho TSMH chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận, tổng hợp các chuẩn mực quốc tế (như IAS/IFRS, US GAAP) và kinh nghiệm chính sách từ một số quốc gia tiên phong. Trong khi đó, Việt Nam hiện mới ở giai đoạn đầu của thử nghiệm nên chưa có hệ thống chuẩn mực hoặc quy định pháp lý chính thức về TSMH, dẫn đến việc thiếu dữ liệu định lượng và tình huống thực tiễn để kiểm chứng các giả định trong mô hình đề xuất. Do vậy, kết quả nghiên cứu mới mang tính gợi mở định hướng, chưa thể khẳng định tính khả thi trên quy mô áp dụng rộng.

Thứ hai, bản chất kinh tế và pháp lý của các loại TSMH rất đa dạng và biến động nhanh theo sự phát triển của blockchain và các mô hình tài chính phi tập trung (DeFi). Việc phân loại, đo lường giá trị hợp lý, hay ghi nhận lợi nhuận từ các hoạt động staking, lending, hoặc giao dịch NFT vẫn còn nhiều tranh luận giữa các cơ quan chuẩn mực quốc tế. Điều này giới hạn khả năng khái quát hóa của các khuyến nghị kế toán trong bài viết này.

Trong tương lai, các nghiên cứu nên mở rộng theo ba hướng chính. Thứ nhất, thực hiện nghiên cứu định lượng và thực nghiệm nhằm đo lường ảnh hưởng của việc ghi nhận

TSMH tới chất lượng BCTC và hành vi của nhà đầu tư. Thứ hai, phân tích khung pháp lý so sánh giữa Việt Nam và các quốc gia đã ban hành quy định kế toán riêng cho crypto-assets, nhằm xác định điều kiện chuyển giao chuẩn mực phù hợp với bối cảnh nội địa. Thứ ba, phát triển mô hình kiểm toán và xác minh on-chain đối với TSMH, qua đó đánh giá vai trò của kiểm toán viên trong môi trường BCTC kỹ thuật số.

Việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, dựa trên bằng chứng thực tiễn và thử nghiệm chính sách, sẽ giúp hoàn thiện khung kế toán TSMH cho Việt Nam, hướng tới một hệ thống minh bạch, nhất quán và phù hợp với xu thế chuyển đổi số của nền kinh tế. ◆

***Tài liệu tham khảo*:**

Bednárová, M., Perea-Khalifi, D. (2025). The use of blockchain in European-listed companies: A content analysis of corporate reports. *The International Journal of Digital Accounting Research*, 35-70. https://doi.org/10.4192/1577-8517-v25_2.

Bonsón, E., & Bednarova, M. (2019). Blockchain and its implications for accounting and auditing. *Meditari Accountancy Research*, *ahead-of-print*. https://doi.org/10.1108/MEDAR-11-2018-0406.

Chainalysis (2024). *The Chainalysis 2024 Crypto Crime Report*. https://go.chainalysis.com/crypto-crime-2024.html.

Chainalysis (2025). *2025 Crypto Crime Report*. https://go.chainalysis.com/2025-Crypto-Crime-Report.html.

Deloitte (2025). *Digital Assets (May 2025) DART - Deloitte Accounting Research Tool*. https://dart.deloitte.com/USDART/pdf/90a9d709-4c88-423a-b3c1-edd7d6fbefc6.

EY (2021). *Applying IFRS Accounting by holders of crypto assets*.

FASB (2023). *Accounting Standards Update 2023-08 Intangibles-Goodwill and Other Crypto Assets (Subtopic 350-60): Accounting for and Disclosure of Crypto Assets*. https://www.fasb.org/page/Document?pdf=ASU%202023-08.pdf.

Hoàng Văn Thành, Phùng Thị Thu Hương, Đào Mỹ Hằng, & Nguyễn Ngọc Mai. (2025). Xây dựng hành lang pháp lý về tiền kỹ thuật số tại Việt Nam: Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị. *Tạp chí Ngân hàng*.

IASB (2018). Conceptual Framework for Financial Reporting. *IFRS Foundation*.

IFRS Foundation (2019). *Holdings of cryptocurrencies*.

Kimura, K. (2023). Japanese Crypto Accounting Standard. *Japan Professional Alliance*. https://japanprofessional.com/japanese-crypto-accounting-standard/.

KPMG (2024). *Digital assets under IFRS® Accounting Standards vs US GAAP: the basics*. https://kpmg.com/us/en/ articles/2024/digital-assets-under-ifrs-accounting-standards.html.

Lê Thị Kim Nhung & Nguyễn Lê Đức (2024). Quản lí tiền mã hóa ở một số quốc gia - Kinh nghiệm và một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng*.

Nguyễn Thanh Hà, Hoàng Thị Phương Lan, & Nguyễn Thị Hương (2025). Hoàn thiện khung pháp lý để tiền điện tử, tài sản số sớm có giá trị pháp lý tại Việt Nam. *Luật sư Việt Nam*.

Nguyễn Thị Cát Tường (2023). Một số đề xuất pháp lý về tiền kỹ thuật số. *Tạp chí Công Thương*

Nguyễn Thị Việt Lê (2023). Phương pháp tiếp cận kế toán tài sản mã hóa: Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.

OECD (2020), *The Tokenisation of Assets and Potential Implications for Financial Markets*. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2020/03/the-tokenisation-of-assets-and-potential-implications-for-financial-markets_370f9853/83493d34-en.pdf.

Özcan, I. (2025). Current trends in accounting for Crypto assets: A comparative analysis of accounting practices of the US

and Türkiye. *Finans Ekonomi ve Sosyal Araştırmalar Dergisi*, *10*, 328-344. https://doi.org/10.29106/fesa.1641396.

Phạm Thanh Hương (2024). Kế toán tiền mã hóa thực trạng và một số khuyến nghị chính sách. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 169-187. https://doi.org/10.54404/JTS.2024.DB2.12.

Phu Dao-Le Flécher, Nigam, N., Mbarek, N. (2023). *Accounting for crypto-assets: A comparative analysis and overview of accounting rules and practices*. https://hal.science/hal-04302434v1/file/ART%201_Accounting%20for%20crypto-assets_08_2023.pdf.

Prochazka, D. (2018). *Accounting for Bitcoin and other cryptocurrentices under IFRS: A comparison and assessment of competing models*. *18*, 161-188. https://doi.org/10.4192/1577-8517-v18_7.

PwC (2021). *Cryptocurrencies and related transactions: Accounting considerations under IFRS*.

Schmitz, J., & Leoni, G. (2019). Accounting and Auditing at the Time of Blockchain Technology: A Research Agenda. *Australian Accounting Review*, *29*(2), 331–342. https://doi.org/10.1111/auar.12286

UK Law Commission (2023). *Final Report on digital assets*. https://cdn.websitebuilder.service.justice.gov.uk/uploads/sites/54/2025/12/Final-digital-assets-report-FOR-WEBSITE-2.pdf.

Tan, P. H., & Zhang, T. C. (2021). *Cryptocurrency framework*. https://ink.library.smu.edu.sg/soa_research/1929/.

Garanina, T., Ranta, M., & Dumay, J. (2021). Blockchain in accounting research: Current trends and emerging topics. *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, *35*(7), 1507-1533. https://doi.org/10.1108/AAAJ-10-2020-4991.

Yanagida, M. (2023). *Accounting and Disclosure of Cryptoassets in Japanese Listed Companies and Proposals for Japanese Accounting Standards*. (SSRN Scholarly Paper No. 4440393). Social Science Research Network. https://doi.org/10.2139/ssrn.4440393.

Summary

Vietnam's piloting of the crypto-asset market poses an urgent need for an accounting framework for this new type of asset. This article systematizes, analyzes and compares international approaches (IFRS, US GAAP, ASBJ) and proposes a preliminary accounting framework that is suitable for the legal context and control capacity of Vietnam. The research method is mainly qualitative, based on analysis, document synthesis, comparison of international regulations and with the Vietnamese accounting framework (VAS). The research results show that: crypto assets, although not financial assets in the traditional sense, still meet the definition of "assets" in the Conceptual Framework for Financial Reporting (2018); therefore, Vietnam can account for them as intangible assets or inventories, depending on the purpose of holding. The article proposes a four-step principal framework (recognition - measurement - presentation - disclosure) for crypto assets, and recommends that the Ministry of Finance issue temporary standards or guidelines to unify practices and ensure transparency of financial information.